

Bài 34

TÌNH HÌNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP (1 tiết)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Giúp HS nắm vững :

Kinh tế nông nghiệp là cơ sở nền tảng của các nền kinh tế phong kiến, đặc biệt trong hoàn cảnh nước ta ở các thế kỷ XVI– XVIII. Lúc này, tuy đất nước bị chia cắt, chiến tranh phong kiến triền miên, nhưng kinh tế nông nghiệp vẫn phát triển và có thêm nhiều thành tựu mới. Tuy nhiên từ những năm 30 của thế kỷ XVIII, tình hình khủng hoảng của chế độ phong kiến bắt đầu từ nông thôn, nông nghiệp đã bộc lộ rõ.

2. Về tư tưởng, tình cảm

Giáo dục cho HS thái độ trân trọng những thành quả lao động, đặc biệt là những thành quả khai hoang mở đất của tổ tiên ta. Những thành quả đó góp phần ổn định và phát triển kinh tế, tăng thêm tiềm lực cho đất nước.

3. Về kỹ năng

Bồi dưỡng cho HS kỹ năng phân tích những đặc điểm riêng của chế độ sở hữu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Về nội dung

Trong giai đoạn lịch sử này, đất nước được mở rộng về phía nam với công cuộc khai phá vùng đất Thuận Quảng và tiếp sau đó là công cuộc khai phá vùng đất nam Trung Bộ và Nam Bộ, biến đồng bằng sông Cửu Long thành vựa lúa lớn nhất của cả nước. Không chỉ ở Đàng Trong mà cả khu vực Đàng Ngoài cho đến đầu thế kỉ XVIII, tình hình nông nghiệp vẫn có dấu hiệu tương đối ổn định và phát triển.

2. Về phương pháp

Đây là vấn đề khó, đòi hỏi GV phải giải thích cho HS nhiều thuật ngữ, khái niệm của sử học hay kinh tế học như chế độ sở hữu : sở hữu tư nhân, sở hữu nhà nước, sở hữu làng xã ; chính sách quân điền, chế độ tô thuế, khủng hoảng phong kiến... Đánh giá về chế độ sở hữu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp ta thời kì này, trong giới nghiên cứu vẫn còn tồn tại những ý kiến khác nhau, nên GV cần phải tham khảo thêm sách chuyên môn và trình bày nhất quán theo quan niệm chính thống. Thời kì này đất nước mở rộng nhanh chóng xuống phía nam nên việc trình bày cần phải liên hệ với thực địa để HS dễ hình dung. Trong quá trình giảng bài, GV sử dụng phương pháp miêu tả, phân tích, đàm thoại.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

GV cần chuẩn bị :

- Một số sơ đồ, bản đồ về những trung tâm sản xuất nông nghiệp ở hai miền.
- Tài liệu liên quan (ca dao, tục ngữ...).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

Có thể nhắc lại sự kiện phân chia Đàng Trong – Đàng Ngoài rồi sau đó đi vào giới thiệu chế độ sở hữu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp của mỗi miền ; cũng có thể bắt đầu bằng việc phân tích vai trò và vị trí của kinh tế nông nghiệp, làm cơ sở đi sâu trình bày tình hình kinh tế nông nghiệp ở Đàng Trong và Đàng Ngoài.

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Mục 1. Tình hình ruộng đất và kinh tế nông nghiệp Đàng Ngoài

Khi giảng mục này, GV cần làm cho HS nắm được : trong các thế kỉ XVI, XVII, XVIII, ruộng đất tư hữu ngày càng phát triển mạnh.

Giới thiệu một cách khái quát diễn biến của chế độ sở hữu ruộng đất ở Đàng Ngoài từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XVIII, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến sự gia tăng của ruộng đất tư hữu. Các nhà nước phong kiến trước đây, kể cả chính quyền Lê – Trịnh trong thời kì này, đều cố gắng tìm mọi cách bảo vệ chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất, ngăn cấm việc biến ruộng công thành ruộng tư (như việc ban hành phép quân điền hay thi hành luật thuế mới, đánh thuế ruộng tư của Trịnh Cương), nhưng tình trạng sở hữu tư nhân về ruộng đất vẫn tiếp tục được mở rộng. Đây là sự phát triển bình thường của kinh tế phong kiến ở Việt Nam.

Sau đó, GV phân tích cho HS thấy được hậu quả của tình hình trên đối với người nông dân và xã hội. GV cần làm cho HS thấy được rằng.

– Cho đến đầu thế kỉ XVIII, quỹ đất công còn lại không đáng kể. Người nông dân đã bị chiếm đoạt phần ruộng đất tư, lại không còn hi vọng gì ở phần ruộng đất công làng xã. Họ hầu như không còn ruộng đất để sinh sống, nhưng lại phải gánh chịu muôn vàn thứ tô thuế, lao dịch, binh dịch của nhà nước Lê – Trịnh. Vì thế, số đông trong họ đã bị bần cùng hoá, phải rời bỏ đồng ruộng, xóm làng đi lang thang kiếm sống. Mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt đã đẩy xã hội phong kiến Đàng Ngoài vào tình trạng khủng hoảng.

– Thời kì này ở vùng Đàng Ngoài, người nông dân đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm cấy trồng. Tư liệu ghi chép của Lê Quý Đôn về các loại giống lúa, ngô, kê, khoai, sắn, rau màu, cây ăn quả và những cánh đồng rộng lớn, màu mỡ, năng suất cao... đã nói lên điều đó. Cần phải nhấn mạnh là lúc này kinh tế nông nghiệp đã phát triển với cơ cấu đa ngành, bổ sung, hỗ trợ cho nhau như bên cạnh trồng lúa có trồng màu, có vườn cây, ao cá, có các chuồng trại chăn nuôi gia cầm, gia súc....

Mục 2. Công cuộc khai hoang và kinh tế nông nghiệp Đàng Trong

– Đây là nội dung đặc biệt quan trọng, GV không chỉ cung cấp cho HS vốn hiểu biết về tình hình kinh tế nông nghiệp Đàng Trong, trong đó khai hoang là nhân tố quyết định sự phát triển của nông nghiệp ở đây, mà còn trang bị cho HS những bức tranh cụ thể và sinh động về quá trình “mở cõi” vất vả và gian truân của tổ tiên ta.

- Do điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và phương thức tổ chức khai thác không giống nhau nên giữa các vùng của Đàng Trong cũng có sự khác biệt đáng kể về chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp. Vùng Thuận – Quảng có các dải đồng bằng nhỏ hẹp và cơ bản đã được khai phá từ thời Lê trù trước, nên cơ cấu tổ chức xóm làng có nhiều nét giống với Đàng Ngoài. Ở đây ruộng đất công làng xã còn tồn tại khá phổ biến. Bên cạnh đó còn có một diện tích đáng kể thuộc quyền sở hữu nhà nước. Vùng đất phía nam, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long, ruộng đất nhiều, dân cư thưa thớt, các chúa Nguyễn đã thi hành chính sách khuyến khích đặc biệt đối với việc khai phá đất hoang, cho phép biến ruộng đất khai hoang được thành sở hữu tư nhân. Thế kỷ XVII – XVIII, ở đồng bằng sông Cửu Long đã xuất hiện hiện tượng tích tụ ruộng đất với quy mô lớn. Đồng Nai, Gia Định đã nổi lên thành khu vực sản xuất nông nghiệp phát triển với khối lượng nông sản hàng hoá xuất khẩu khá lớn.

3. Sơ kết bài

Cuối bài học, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận :

Giai đoạn thế kỷ XVI – XVIII trên đất nước ta, về mặt chính trị có những diễn biến phức tạp, nhưng về mặt kinh tế, nhất là kinh tế nông nghiệp, lại có những bước phát triển mới, trong đó thành tựu tiêu biểu nhất là công cuộc khẩn hoang vùng đất phía nam. GV hướng dẫn HS lập bảng so sánh tình hình kinh tế ở Đàng Ngoài và Đàng Trong ở các thế kỷ XVI – XVIII, và dựa vào nội dung của SGK để trả lời các câu hỏi.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tình hình kinh tế nông nghiệp Đàng Ngoài :

"Năm 1722, Trịnh Cương cho ban hành luật thuế mới. Tất cả mọi loại ruộng đất phức tạp trước đó được gộp lại dưới hai hình thức sở hữu : ruộng công và ruộng tư.... Nhà nước đưa ruộng tư vào biểu thuế chính thức là sự thừa nhận về mặt pháp lý sự tồn tại của loại hình sở hữu này. Nó góp phần thúc đẩy sự phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất. Ruộng tư hữu được mở rộng trong thế kỷ XVI - XVII đã có tác dụng kích thích sự phát triển của nông nghiệp... Đánh giá về tình hình sản xuất nông nghiệp ở một số địa phương thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, Lê Quý Đôn đã từng viết : "Đất ruộng màu mỡ nghìn dặm, đồng bằng muôn khoảnh, một năm cấy được hai vụ, mỗi mẫu sản xuất trị giá hơn 200 quan"..."

(Theo *Tiến trình lịch sử Việt Nam*,
NXB Giáo dục, H., 2003, tr. 143)

- Công cuộc khẩn hoang và kinh tế nông nghiệp Đàng Trong :

"Đầu thế kỷ XVII, giáo sĩ C. Bô-ri đến Đàng Trong đã nhận xét : "Đất đai màu mỡ và sinh lợi... đến nỗi hàng năm họ gặt lúa ba lần, thu hoạch được một lượng thóc phong phú đến mức không ai cần lao động thêm để kiếm sống... Quanh năm họ có nhiều hoa quả, những thứ lạ như dưa bở, dưa chuột, dưa hấu, mít, sầu riêng, dừa, trầu cau, bắp cải, thuốc lá, mía... Đồng ruộng của họ đầy những gà vịt nhà và gà rừng". Từ thế kỷ XVII, Đàng Trong, nhất là vùng Đồng Nai, Gia Định đã trở thành khu vực sản xuất nông sản hàng hoá".

(Theo *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Toàn tập,
NXB Giáo dục, H., 2001, tr. 360)